TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Gặp gỡ và đối thoại từ truyền thống Gelugpa đến Phật học hiện đại

ISSN: 2734-9195 14:34 26/11/2026

Trong bối cảnh khoa học, công nghệ và trí tuệ nhân tạo đang làm thay đổi sâu sắc đời sống nhân loại, Phật giáo càng cần phát huy năng lực đối thoại với tri thức đương đại, đồng thời giữ vững nền tảng từ bi, trí tuệ và giải thoát.

*Cuộc gặp gỡ và trao đổi giữa **Ngài Geshe Jamyang Norbu**, vị giáo thọ thuộc truyền thống Gelugpa (một trong 4 truyền thống chính của Phật giáo Mật tông, Tây Tạng), cùng chư tôn đức, các nhà nghiên cứu và thành viên Ban Biên tập Tạp chí Nghiên cứu Phật học tại chùa Quán Sứ sáng ngày 26/11/2026, đã mở ra nhiều vấn đề đáng suy ngẫm về phương pháp đào tạo Phật học, sự kế thừa các truyền thống Phật giáo và yêu cầu kết nối tri thức Phật giáo với khoa học hiện đại.*

Qua những chia sẻ về kinh nghiệm tu học tại miền Nam Ấn Độ, cuộc trao đổi còn gợi mở nhiều góc nhìn về việc đào tạo, nghiên cứu và trao đổi học thuật giữa Phật giáo Việt Nam và Ấn Độ trong bối cảnh mới.

Phật giáo: Những truyền thống khác nhau, cùng hướng về giáo pháp đức Phật

Mở đầu cuộc trao đổi, Hòa thượng Thích Gia Quang - Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự - Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tổng Biên tập Tạp chí Nghiên cứu Phật học chia sẻ về mối liên hệ giữa Phật giáo Việt Nam và Phật giáo Ấn Độ - nơi khởi nguồn của Phật giáo. Dù khác biệt về địa lý, văn hóa và lịch sử, các cộng đồng Phật giáo vẫn có chung một cội nguồn giáo pháp từ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.



Hòa thượng Thích Gia Quang chia sẻ về mối liên hệ giữa Việt Nam và Phật giáo Ấn Độ - nơi khởi nguồn của Phật giáo

Từ Ấn Độ, Phật giáo truyền bá đến nhiều khu vực, hình thành những truyền thống tu học khác nhau. Phật giáo Nam truyền phát triển tại Sri Lanka, Myanmar, Thái Lan, Lào, Campuchia; Phật giáo Bắc truyền lan tỏa đến Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản, Hàn Quốc và nhiều quốc gia khác. Bên cạnh đó,

truyền thống Kim Cang thừa cũng được truyền bá và phát triển mạnh mẽ tại Tây Tạng, Mông Cổ và khu vực Himalaya.

Theo Ngài Geshe Jamyang Norbu, dù có những phương thức tiếp cận và thực hành khác nhau, điều quan trọng là các truyền thống đều cần được nhìn nhận trong mối liên hệ với di sản giáo pháp của đức Phật. Giáo pháp đã trải qua hơn 2.500 năm lịch sử nhưng vẫn duy trì sức sống, tiếp tục được nghiên cứu, thực hành và truyền bá trong đời sống hiện đại.

Ngài cho rằng, sự tồn tại và phát triển của Phật giáo không chỉ phụ thuộc vào việc bảo tồn kinh điển hay duy trì các cơ sở tự viện, mà còn nằm ở nỗ lực học tập, hành trì và trao truyền giáo pháp của Tăng đoàn cùng cộng đồng phật tử.

Đây cũng là điểm đáng chú ý trong cuộc đối thoại, thay vì nhấn mạnh sự khác biệt giữa các truyền thống, các vị tham dự hướng đến tinh thần tôn trọng, học hỏi và cùng nhau gìn giữ những giá trị cốt lõi của Phật giáo.

Truyền thống Gelugpa trong tu tập và học thuật Phật giáo

Chia sẻ về quá trình tu học của mình, Ngài Geshe Jamyang Norbu cho biết Ngài thuộc truyền thống Gelugpa, một trong 4 truyền thống lớn của Phật giáo Tây Tạng, gắn với sự nghiệp hoằng hóa của Tổ sư Tsongkhapa.

Tại Nam Ấn Độ hiện có ba tu viện lớn thuộc truyền thống này là Drepung, Sera và Gaden, riêng tu viện Drepung nơi Ngài tu học có khoảng 6.000 tu sĩ, phần lớn là những người trẻ đến từ khu vực Himalaya và nhiều quốc gia Phật giáo, trong đó có tu sĩ đến từ các nước Phương Tây.

Các tu sinh đến không chỉ học tập giáo lý mà còn được đào tạo về phương pháp thực hành và thiền định.



Geshe Jamyang Norbu cởi mở chia sẻ từng vấn đề

Điểm nổi bật trong chương trình đào tạo của truyền thống Gelugpa là tính hệ thống và thời gian tu học kéo dài. Trước khi tiếp cận sâu với triết học Phật giáo, các tu sĩ phải học ngôn ngữ, ngữ pháp, tiếng Tây Tạng và tiếng Anh. Tiếp đó là các môn học về logic, biện chứng và những lĩnh vực triết học Phật giáo chuyên sâu.

Các nội dung nghiên cứu bao gồm Trung Quán, Bát Nhã Ba La Mật, Nhân minh, A Tỳ Đạt Ma và những hệ thống tư tưởng Phật giáo khác. Theo chia sẻ của Ngài, quá trình học tập phần Hiển giáo có thể kéo dài khoảng 20 năm. Sau khi hoàn thành chương trình này, tu sĩ mới tiếp tục bước vào giai đoạn nghiên cứu chuyên sâu về Mật giáo tại các cơ sở đào tạo chuyên biệt.

Như vậy, việc thực hành Kim Cang thừa không được xem là con đường tách rời nền tảng giáo lý. Trái lại, người tu học phải trải qua quá trình nghiên cứu kinh điển, phát triển năng lực tư duy, hiểu biết triết học và thực hành giáo pháp trước khi đi sâu vào các pháp môn Mật thừa.

Ngài cũng nhấn mạnh rằng, việc học tập không chỉ dừng lại ở nghiên cứu lý thuyết. Tu sĩ còn phải thực hành, thiền định và tự mình kiểm nghiệm những điều đã được học. Sau quá trình đào tạo và thực hành, một số vị tiếp tục nhập thất tại những vùng núi để chuyên tâm thiền định; những vị có khả năng ngoại ngữ được tạo điều kiện tham gia các hoạt động giao lưu, trao đổi và hoằng pháp quốc tế.

Trong cuộc trao đổi, Ngài Geshe Jamyang Norbu nhiều lần nhắc đến Đại học Nalanda như một biểu tượng tiêu biểu của truyền thống học thuật Phật giáo Ấn Độ.

Nalanda từng là trung tâm nghiên cứu và đào tạo Phật học có ảnh hưởng rộng lớn, thu hút nhiều học giả, tu sĩ và người học đến từ các khu vực khác nhau. Những tư tưởng triết học được nghiên cứu tại đây đã góp phần quan trọng vào quá trình phát triển Phật giáo tại nhiều quốc gia, trong đó có Tây Tạng.

Các bậc luận sư và học giả như Long Thọ, Vô Trước, Tịch Thiên cùng nhiều vị đại sư khác được nhắc đến trong cuộc đối thoại như những đại diện tiêu biểu của truyền thống nghiên cứu triết học Phật giáo Ấn Độ. Những dòng tư tưởng này tiếp tục được kế thừa, diễn giải và phát triển trong các truyền thống Phật giáo về sau.

Theo phần chia sẻ về lịch sử truyền thừa, các vị Đại sư từ Ấn Độ đã mang giáo pháp và phương pháp nghiên cứu đến Tây Tạng, góp phần hình thành nền tảng học thuật của Phật giáo Tây Tạng. Trong đó, truyền thống Gelugpa chú trọng việc tiếp thu đầy đủ giáo pháp, không tách rời nghiên cứu kinh điển với thực hành giới luật.

Ngài cũng đề cập đến truyền thống Kadampa do Đại sư Atisha khởi xướng và sự kế thừa, phát triển của truyền thống này trong hệ thống giáo pháp của Tổ Tsongkhapa. Tinh thần được nhấn mạnh là không loại bỏ bất kỳ lời dạy nào của đức Phật, mà cần biết tiếp nhận và vận dụng giáo pháp một cách có hệ thống,

phù hợp với căn cơ và phương thức tu học.

Đáng chú ý, trong phần trao đổi, Cư sĩ Giới Minh đã đặt ra những câu hỏi về lịch sử hình thành các trung tâm học thuật ở Ấn Độ cổ đại và mối liên hệ giữa những vùng đất này với sự phát triển của Phật giáo.

Từ thông tin được chia sẻ về Taxila, một trung tâm học tập cổ nằm trên vùng đất Pakistan ngày nay, Cư sĩ đã nêu những giả thiết về công tác đào tạo thời kỳ tiền đức Phật, từ đó định hình rõ về niên đại hình thành, truyền thống tư tưởng và nội dung tu học. Từ đó cho thấy mối liên hệ giữa không gian Ấn Độ cổ đại với các vùng đất ngày nay thuộc Pakistan và Afghanistan.

Cư sĩ Giới Minh nhắc đến các luận sư lớn như Long Thọ (Nāgārjuna), Vô Trước (Asaṅga) và Thế Thân (Vasubandhu), những nhân vật có ảnh hưởng sâu sắc đến các dòng tư tưởng Phật giáo Đại thừa nói chung, trong đó có nền tảng triết học được truyền thừa và nghiên cứu trong Phật giáo Tây Tạng.

Trả lời vấn đề này, Geshe Jamyang Norbu đề cập đến Taxila như một trung tâm học thuật có tính chất tổng hợp, nơi người học có thể tiếp cận nhiều lĩnh vực như logic, ngôn ngữ, triết học, ngữ pháp, thiên văn và y học; đồng thời phân biệt trung tâm này với Nalanda - nơi về sau trở thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu Phật giáo nổi tiếng.

Cuộc trao đổi cho thấy sự cần thiết phải tiếp tục khảo cứu các nguồn tư liệu lịch sử, khảo cổ và văn bản để nhận diện chính xác hơn mối quan hệ giữa những trung tâm học thuật cổ đại với lịch sử tư tưởng Phật giáo trong công tác đào tạo và nghiên cứu.

Qua những chia sẻ này, có thể nhận thấy một đặc điểm đáng chú ý của truyền thống Gelugpa: sự kết hợp chặt chẽ giữa học thuật, tư duy lý luận, thực hành thiền định và trách nhiệm truyền bá giáo pháp. Đây là kinh nghiệm có giá trị tham khảo đối với công tác đào tạo Tăng Ni, đặc biệt trong việc xây dựng chương trình học tập có chiều sâu, bảo đảm sự gắn kết giữa kiến thức và thực chứng.

Nghiên cứu Phật học: Phân định đức tin, phương pháp và chuẩn mực học thuật

Một trong những nội dung có ý nghĩa học thuật nổi bật trong cuộc đối thoại là vấn đề phương pháp nghiên cứu Phật học do Cư sĩ Giới Minh đặt ra.

Từ thực tiễn đào tạo Phật học tại Việt Nam, Cư sĩ Giới Minh đặt ra vấn đề cần phân biệt rõ giữa nghiên cứu Phật học với tư cách là một lĩnh vực khoa học và

việc tiếp cận Phật giáo trên phương diện niềm tin, đức tin tôn giáo. Theo đó, đối với hoạt động nghiên cứu, đào tạo và cấp văn bằng khoa học ở trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, các công trình cần đáp ứng những tiêu chuẩn học thuật nghiêm túc, dựa trên phương pháp nghiên cứu khoa học, lập luận logic, hệ thống luận cứ và những căn cứ có khả năng kiểm chứng. Niềm tin và đức tin tôn giáo có thể là nền tảng cho đời sống tu học, thực hành tâm linh, nhưng không thể thay thế các yêu cầu về phương pháp, tính khách quan và tính khoa học trong nghiên cứu học thuật.



Cư sĩ Giới Minh trao đổi chuyên sâu, tâm huyết

Theo cách đặt vấn đề của Cư sĩ, cần phân biệt việc nghiên cứu giáo lý, lịch sử, các truyền thống, nhân vật và quá trình phát triển của Phật giáo với việc tiếp nhận, thực hành Phật giáo trên nền tảng đức tin tôn giáo. Khi nghiên cứu những vấn đề này, người nghiên cứu cần có phương pháp phù hợp, luận cứ rõ ràng và tư liệu có thể đối chiếu. Đây không đơn thuần là câu chuyện về tên gọi hay cấp

bậc văn bằng, mà sâu xa hơn là yêu cầu bảo đảm tính nghiêm cẩn và chuẩn mực của hoạt động nghiên cứu học thuật.

Từ vấn đề phương pháp, Cư sĩ Giới Minh đã nêu câu hỏi và tìm hiểu về tiếp tục đặt câu hỏi về hệ thống đào tạo, chứng nhận văn bằng Geshe Lharampa của truyền thống Gelugpa: *đây là học vị được công nhận trong nội bộ truyền thống tu viện hay là văn bằng học thuật được các cơ quan giáo dục quốc gia và quốc tế công nhận?*

Trả lời vấn đề này, Ngài Geshe Jamyang Norbu thẳng thắn xác nhận rằng Geshe Lharampa là cấp độ học thuật truyền thống cao nhất trong hệ thống Gelugpa, nhưng không đồng nhất với văn bằng thạc sĩ hay tiến sĩ theo hệ thống giáo dục đại học hiện đại. Đây là văn bằng do tu viện cấp, dựa trên truyền thống đào tạo và đánh giá đã được duy trì qua nhiều thế hệ, không phải văn bằng được Chính phủ Ấn Độ hoặc các tổ chức giáo dục quốc tế công nhận tương đương với học vị học thuật hiện đại.

Theo chia sẻ của Ngài, Geshe Dorampa và Geshe Lharampa là những cấp độ học vị trong truyền thống đào tạo của tu viện; trong đó Geshe Lharampa được xem là cấp độ cao nhất của hệ thống Gelugpa.

Tuy nhiên, điều đó không làm giảm đi yêu cầu nghiêm túc trong quá trình đào tạo. Để đạt được học vị này, tu sĩ phải trải qua nhiều năm nghiên cứu các hệ thống triết học Phật giáo, rèn luyện năng lực lập luận, biện chứng và thực hành giáo pháp.

Đáng chú ý, Ngài cũng cho biết việc thiếu một hệ thống văn bằng được công nhận rộng rãi có thể gây khó khăn khi các tu viện muốn kết nối với những trường đại học ở nước ngoài. Vì vậy, việc tìm kiếm những hình thức công nhận phù hợp, đồng thời bảo tồn chiều sâu của chương trình đào tạo truyền thống, là một nhu cầu mà chính Ngài cũng nhìn nhận (-như cách đặt vấn đề của Cư sĩ Giới Minh) - trích lời Geshe Jamyang Norbu.

Ngài cũng chia sẻ về bản thân, sau khi hoàn thành chương trình đào tạo truyền thống, Ngài tiếp tục tiếp cận tri thức khoa học phương Tây tại Hoa Kỳ, nghiên cứu các lĩnh vực như sinh học, vật lý, khoa học thần kinh và khoa học xã hội. Theo Ngài, việc kết nối tri thức Phật học với khoa học hiện đại sẽ giúp người học có cái nhìn toàn diện hơn về thế giới, đồng thời nâng cao khả năng đối thoại và truyền bá Phật pháp trong môi trường quốc tế.

Đây là vấn đề có ý nghĩa đối với công tác đào tạo và nghiên cứu Phật học hiện nay. Cần phân biệt rõ giá trị của văn bằng truyền thống trong nội bộ một hệ thống tu học với giá trị pháp lý, học thuật của văn bằng được công nhận theo

quy chuẩn giáo dục hiện đại. Hai hệ thống có những mục tiêu, phương pháp và tiêu chí đánh giá riêng, do đó không nên đồng nhất hoặc sử dụng thay thế cho nhau.

Mặt khác, cuộc đối thoại cũng đặt ra yêu cầu cần tiếp tục nâng cao chất lượng nghiên cứu Phật học theo hướng khách quan, có phương pháp, có lập luận và có khả năng đối thoại với những thành tựu tri thức đương đại.

Phật giáo trước thách thức của khoa học, trí tuệ nhân tạo và yêu cầu chuyển hóa nội tâm

Từ câu chuyện về đào tạo và văn bằng, cuộc trao đổi mở rộng sang một vấn đề có tính thời sự: làm thế nào để giáo pháp của đức Phật tiếp tục được thế hệ trẻ đón nhận trong xã hội hiện đại?

Ngài Geshe Jamyang Norbu cho rằng, thế hệ trẻ ngày nay có điều kiện tiếp cận lượng tri thức lớn, đặc biệt trong bối cảnh khoa học, công nghệ và trí tuệ nhân tạo phát triển nhanh chóng. Vì vậy, việc truyền bá Phật pháp không thể chỉ dựa vào niềm tin hay những lời khẳng định mang tính truyền thống, mà cần có lý lẽ, phương pháp nghiên cứu và những minh chứng phù hợp.

Ngài đồng tình với quan điểm được nêu ra trong cuộc trao đổi rằng, muốn Phật giáo có thể tiếp tục phát triển trong tương lai, cần kết hợp tri thức triết học Phật giáo với những thành tựu khoa học hiện đại, đồng thời vận dụng các phương pháp nghiên cứu có tính logic và kiểm chứng.

Hòa thượng Thích Gia Quang cũng bày tỏ sự đồng thuận với định hướng này. Theo Hòa thượng, trong xã hội hiện đại, đặc biệt ở thế hệ trẻ, niềm tin cần được nuôi dưỡng bằng sự hiểu biết và nhận thức có cơ sở. Người học Phật ngày nay cần được tiếp cận giáo lý thông qua những phương pháp phù hợp với trình độ nhận thức và sự phát triển của tri thức nhân loại.

Tuy nhiên, một điểm rất đáng lưu ý trong phần trao đổi là không phải mọi giá trị của Phật giáo đều cần được chứng minh bằng phương pháp khoa học thực nghiệm. Những giá trị đạo đức như lòng từ bi, tình yêu thương, sự bao dung, lòng vị tha và tinh thần giúp đỡ con người là những phẩm chất cần được nuôi dưỡng thông qua giáo dục và thực hành trong đời sống.

Nói cách khác, khoa học có thể góp phần làm sáng tỏ nhiều vấn đề liên quan đến nhận thức, tâm lý, hành vi và đời sống con người; nhưng việc chuyển hóa nội tâm và xây dựng đời sống đạo đức vẫn đòi hỏi sự thực hành bền bỉ của mỗi cá nhân.

Bên cạnh những nội dung mang tính học thuật, cuộc đối thoại còn nhấn mạnh một phương diện căn bản của đời sống tu tập: động cơ nội tâm và phẩm chất đạo đức của người học Phật.

Trong phần trao đổi, Hòa thượng Thích Gia Quang nhắc lại lời dạy của Ngài Geshe Jamyang Norbu về tầm quan trọng của động cơ bên trong, lòng từ bi, tình yêu thương và sự bao dung. Những phẩm chất ấy có ý nghĩa quan trọng đối với kết quả tu tập, thậm chí còn được nhấn mạnh hơn việc chỉ thực hiện các nghi thức lễ bái, trì tụng trước tượng Phật và Bồ Tát.

Việc sinh ra trong một gia đình phật tử hay thường xuyên đến chùa không tự động bảo đảm một người đã thực sự trở thành hành giả Phật giáo. Điều quan trọng là người ấy có chuyển hóa được nhận thức, thái độ và hành vi của mình theo những giá trị mà đức Phật đã chỉ dạy hay không.

Quan điểm này cho thấy sự phân biệt giữa hình thức sinh hoạt tôn giáo và chiều sâu thực hành tâm linh. Nghi lễ có thể là phương tiện nuôi dưỡng niềm tin, giúp con người hướng về Tam bảo, nhưng giá trị của việc tu học cần được thể hiện bằng sự chuyển hóa trong đời sống thực tế.

Lòng từ bi giúp con người biết quan tâm, chia sẻ và giảm bớt khổ đau cho nhau. Sự bao dung giúp hóa giải bất đồng, hạn chế xung đột và tạo điều kiện cho con người cùng tồn tại, phát triển. Khi những phẩm chất ấy được thực hành trong gia đình, cộng đồng và xã hội, giáo pháp không còn chỉ hiện diện trong không gian tự viện mà thực sự đi vào đời sống.

Đây cũng là một gợi mở quan trọng đối với hoạt động hoằng pháp: cần đổi mới phương thức truyền đạt, tăng cường đối thoại với khoa học và tri thức đương đại, nhưng không đánh mất nền tảng đạo đức và mục tiêu giải thoát của giáo pháp.

Kết nối Phật giáo Việt Nam - Ấn Độ: Kế thừa truyền thống, mở rộng đối thoại

Một nội dung có ý nghĩa thiết thực được đề cập trong cuộc gặp là triển vọng tăng cường hợp tác giữa Phật giáo Việt Nam và các cơ sở đào tạo Phật giáo tại Nam Ấn Độ.



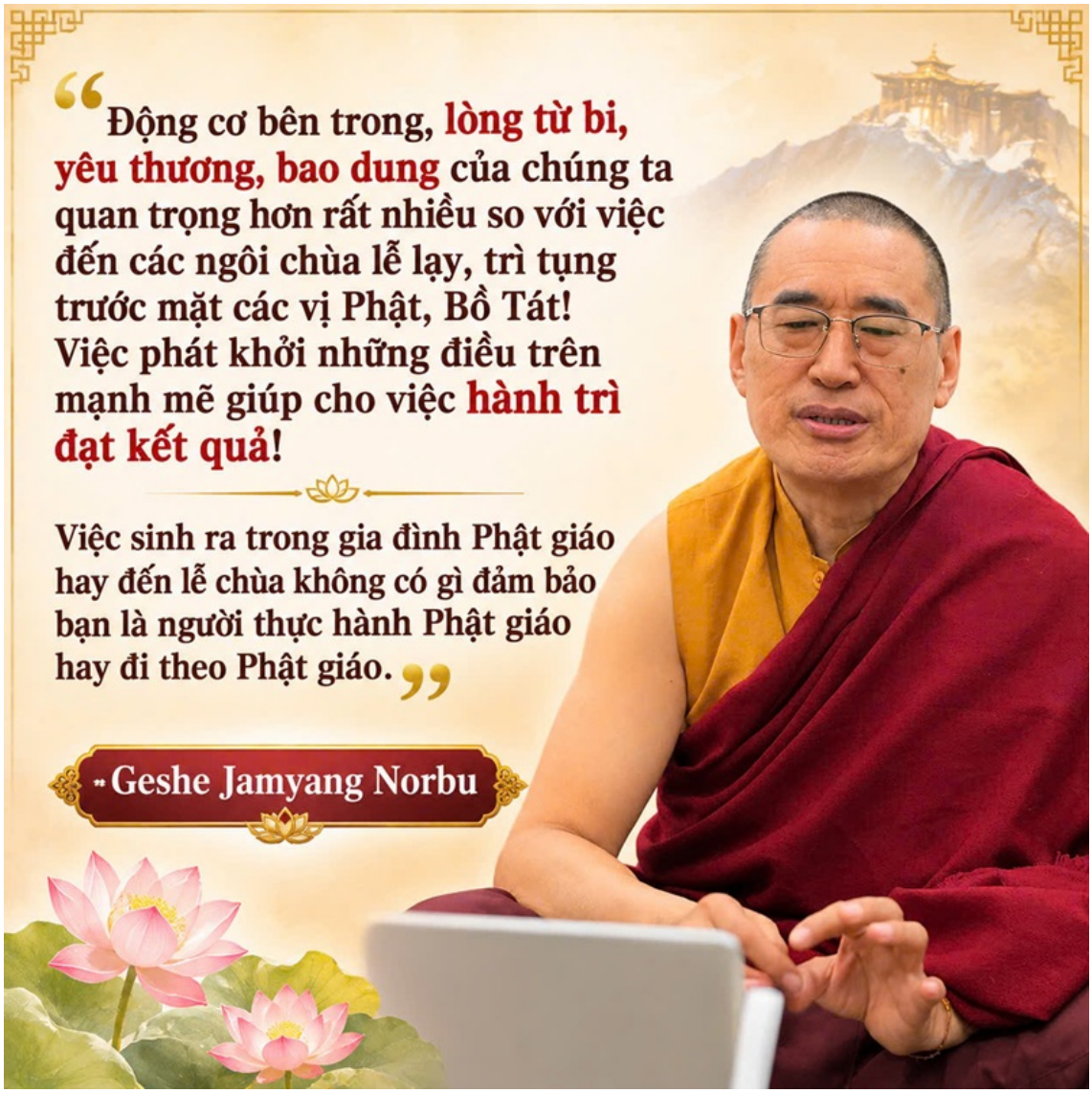
Hòa thượng Thích Gia Quang đã giới thiệu hệ thống đào tạo Phật học tại Việt Nam, từ các trường sơ cấp, trung cấp đến các Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội, Huế và Thành phố Hồ Chí Minh, cùng Học viện Phật giáo Nam tông Khmer. Chương trình đào tạo tại Việt Nam có sự tiếp cận cả kinh điển Nam truyền và Bắc truyền, nghiên cứu Kinh, Luật, Luận, Trung Quán, Duy Thức và các hệ thống tư tưởng Phật học khác.

Trên cơ sở đó, Ngài Geshe Jamyang Norbu đề xuất tăng cường kết nối giữa các tu viện tại Nam Ấn Độ với các Học viện Phật giáo Việt Nam. Các đoàn Tăng Ni, học giả và nhà nghiên cứu có thể tổ chức những chuyến giao lưu, trao đổi kinh nghiệm tu học, thảo luận triết học Phật giáo và chia sẻ phương pháp đào tạo.

Ngài bày tỏ mong muốn khi trở về Nam Ấn Độ sẽ trao đổi với lãnh đạo tu viện để tìm kiếm những cơ hội hợp tác cụ thể. Ngài cũng nhấn mạnh một điều kiện quan trọng: cần có đội ngũ phiên dịch đủ năng lực chuyên môn để khắc phục rào cản ngôn ngữ, bảo đảm việc trao đổi giáo lý và học thuật được chính xác, sâu sắc.

Hòa thượng Thích Gia Quang hoan hỷ ghi nhận đề xuất này và cho biết sẽ báo cáo Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đồng thời trao đổi với lãnh đạo các Học viện Phật giáo để nghiên cứu những hình thức kết nối phù hợp.

Bài và ảnh: **Thường Nguyên**



Sơ lược tiểu sử Ngài Geshe Jamyang Norbu

Năm 8 tuổi: Học đọc viết tiếng Tây Tạng cơ bản tại trường tiểu học địa phương (3 năm)

Năm 13 tuổi: Xuất gia thọ giới sa di cùng người Thầy đầu tiên là Lobsang Samten, làng Chango

1984 - 2005: Nhập học Tu viện Drepung Loseling (trường Phật học lớn nhất ở Nam Ấn Độ). Thời gian học hơn 22 năm, luôn đứng hạng Nhất trong các kỳ thi hằng năm

Nghiên cứu triết học Phật giáo:

Pramana (Nhân minh - Logic & Nhận thức luận)

Prajnaparamita (Bát Nhã Ba La Mật Đa - Trí tuệ siêu việt)

Madhyamika (Trung Quán)

V inaya (Luật tạng - Giới luật tu hành)

Abhidharmakosha (A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận)

1998 - 2004: tiếp tục học tại Đại học Gelugpa. Thời gian học 6 năm, luôn đạt vị trí cao nhất trong các kỳ thi.

2004 - 2007 : tiếp tục học tại Tu viện Mật giáo Gyuto.

Thành tựu học vị:

Năm 2005: Đạt học vị Geshe Lharampa (tương đương Tiến sĩ Triết học Phật giáo)

Học thêm: Triết học Mật tông, Tiếng Anh, tiếng Hindi, Khoa học hiện đại (từ nhiều giảng sư khác nhau)

Sự nghiệp giảng dạy (15 năm gần đây):

Giảng dạy Phật học & ngôn ngữ Tây Tạng

Đặc biệt chú trọng: Các bản văn Mật tông (như Vajrayogini, Yamantaka)

Các quốc gia từng giảng dạy: Nhật Bản, Korea, Singapore, Nepal, Ấn Độ, Việt Nam, Malaysia và Campuchia.